

Số: /QĐ-TĐC

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Công khai dự toán ngân sách năm 2026

CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-SKHCN ngày 16/01/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-SKHCN ngày 26/6/2026 Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của phòng Hành chính - Quản lý Đo lường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán 6 tháng ngân sách năm 2026 của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Gia Lai (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Hành chính - Quản lý Đo lường, Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Chất lượng tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở KHCN;
- Lãnh đạo Chi cục;
- WEBSITE Chi cục;
- Lưu: VT, HC - QLĐL.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phan Ngọc Anh

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐC ngày /7/2026
của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1
I	Số thu phí, lệ phí	1
1	Lệ phí	1
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	8.187,908
1	Nguồn ngân sách trong nước	8.187,908
1	Chi quản lý hành chính	4.688,555
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	4.229,473
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	459,082
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.499,353
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.499,353
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	3.499,353
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
(03 THÁNG/06 THÁNG/09 THÁNG/ CẢ NĂM)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 06 tháng năm 2026 (03 tháng/06 tháng/09 tháng/cả năm) như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	1	0	0%	0%
I	Số thu phí, lệ phí	1	0	0%	0%
1	Lệ phí	1	0	0%	0%
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.187,908	1.916,489	23.41%	161%
1	Chi quản lý hành chính	4.688,555	1.655,055	35,3%	165%
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	4.229,473	1.571,055	37,15%	165%
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	459,082	84	18,3%	0%
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	3.499,353	261,434	7,5%	160%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				

-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.499,353	261,434	7,5%	160%
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	3..499,353	261,434	7,5%	160%
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số				